

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 443/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 3 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Kiểm toán Auditing
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kiểm toán
Mã ngành:	7340302
Chuyên ngành đào tạo:	Kiểm toán
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Kiểm toán đã được rà soát gần đây nhất theo Quyết định 142/QĐ-ĐHTM ngày 13/2/2023. Trong lần sửa đổi, bổ sung này có một số điều chỉnh như sau:

1.1. Đã rà soát và chỉnh sửa diễn đạt lại mục tiêu của CTĐT gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể; đảm bảo rõ ràng, thể hiện được định hướng đào tạo là định hướng ứng dụng, hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn của trường; phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, dựa trên kết quả điều tra về CĐR và CTĐT ngành Kiểm toán; có tính đến sự thay đổi công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập của kế toán, kiểm toán Việt Nam theo chiến lược phát triển kế toán - kiểm toán đến năm 2030 do Thủ tướng chính phủ phê duyệt, cùng với đề án cập nhật, biên soạn Chuẩn mực kế toán, Chuẩn mực Báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS); Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam của Bộ Tài chính; đảm bảo tương thích giữa CĐR và CTĐT sau khi rà soát, chỉnh sửa;

1.2. Đã rà soát, chỉnh sửa các CĐR của CTĐT theo các chuẩn về: kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, ngoại ngữ và tin học. Với 11 CĐR phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, tuân thủ các quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; phù hợp với các Quy định của Trường về phát triển CTĐT;

1.3. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp đã được trình bày phù hợp với CĐR và

mục tiêu của CTĐT gắn với các vị trí thuộc chức danh nghề nghiệp chuyên môn trong các đơn vị, tổ chức của Việt Nam và quốc tế; phù hợp với kết quả điều tra các đối tượng là người sử dụng lao động;

1.4. Các CTĐT, CDR đã tham khảo đảm bảo tương thích với ngành đào tạo, được kiểm định và có link dẫn nguồn, ngày truy cập khi tham khảo;

1.5. Đã rà soát để đảm bảo được kết cấu hợp lý theo tỷ lệ tương đối giữa các HP của toàn bộ CTĐT; giữa các HP tự chọn với tổng số tín chỉ học tập và tốt nghiệp; giữa các khối kiến thức GDĐC và GD chuyên nghiệp; giữa kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành;

1.6. Ma trận CDR đã được rà soát, biên tập trên cơ sở các CDR và đề cương các HP trong CTĐT đã chỉnh sửa, bổ sung, đảm bảo hợp lý đáp ứng được các CDR của CTĐT;

1.7. Đổi mới hình thức thi của học phần “Kế toán thuế trong doanh nghiệp” từ tự luận sang trắc nghiệm trên máy tính.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo Kiểm toán là chương trình đào tạo định hướng ứng dụng có mục tiêu đào tạo cử nhân kiểm toán có kiến thức chuyên môn toàn diện và hiện đại; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, thích ứng cao với công việc; đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế trong môi trường kinh doanh năng động của chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo cử nhân kiểm toán đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kiến thức lý thuyết toàn diện và hiện đại, kiến thức thực tế vững chắc về kiểm toán, kế toán và phân tích kinh tế; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, thực hành nghề nghiệp và phát triển năng lực chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm; thích ứng nhanh với môi trường kinh doanh năng động của chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; đáp ứng tốt yêu cầu của các vị trí công việc sau khi tốt nghiệp; có khả năng phát triển, tiếp tục học tập và nâng cao trình độ.

3 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kiểm toán đạt chuẩn đầu ra về kiến thức sau:

- (PLO1): Phân tích, ứng dụng được kiến thức lý thuyết và thực tế toàn diện và hiện đại về kiểm toán, kế toán và phân tích kinh tế vào hoạt động chuyên môn nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự thay đổi của công nghệ.

(PLO2): Áp dụng được các kiến thức cơ bản về xã hội, khoa học chính trị và pháp luật đáp ứng yêu cầu của chuyên môn nghề nghiệp, yêu cầu của đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững.

(PLO3): Tổ chức ứng dụng, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn nghề nghiệp tại các đơn vị, tổ chức.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kiểm toán đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng sau:

(PLO4): Áp dụng được các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động chuyên môn kiểm toán, kế toán, phân tích kinh tế trong các đơn vị, tổ chức. Phân biện, phê phán, sử dụng các giải pháp thay thế để giải quyết các vấn đề chuyên môn phù hợp với bối cảnh.

(PLO5): Tổ chức, dẫn dắt; đề xuất, thiết kế dự án khởi nghiệp, có khả năng xây dựng được đề án tạo việc làm cho mình và cho người khác thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

(PLO6): Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kiểm toán đạt chuẩn về mức độ tự chủ và trách nhiệm sau:

(PLO7): Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, thích ứng trong các môi trường khác nhau, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có đạo đức nghề nghiệp.

(PLO8): Giải thích, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc chuyên môn nghề nghiệp; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

(PLO9): Lập được kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp trong đơn vị, tổ chức.

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kiểm toán đạt chuẩn về ngoại ngữ và tin học như sau:

(PLO10): Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại; có

khả năng sử dụng hiệu quả tiếng Anh trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

(PLO11): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

e) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		42	
1.1	Giáo dục đại cương		31	
1.1.1	Các học phần bắt buộc		29	
1	Triết học Mác – Lênin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCM10121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM10111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	RLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCM10131	2	21,18
6	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
7	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12
8	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
9	Toán cao cấp 1	FMAT0111	2	24,12
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	AMAT0111	3	36,18
11	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12

13	Tin học quản lý	INFO0311	3	36,18
1.1.2	Các học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>			
1	Lịch sử kinh tế Việt Nam	HCFI0521	2	24,12
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	RLCP0221	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất		3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc		1	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
1.2.2	Các học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 2TC trong các HP sau</i>			
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
1.3	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		89	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		28	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc		16	
1	Nguyên lý kế toán	FACC0111	3	36,18
2	Kiểm toán căn bản	FAUD0411	3	36,18
3	Nguyên lý thống kê	ANST0211	3	36,18
4	Nhập môn tài chính - tiền tệ	EFIN2811	3	36,18
5	Tiếng Anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
6	Tiếng Anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2.	Các học phần tự chọn		12	
	<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>			
1	Quản trị học	BMGM0111	3	36,18
2	Kinh tế lượng	AMAT0411	3	36,18
3	Luật kinh tế 1	PLAW0321	3	36,18
4	Thị trường chứng khoán	BKSC2311	3	36,18
5	Thanh toán điện tử	PCOM0411	3	36,18
6	Nguyên lý quản lý kinh tế	TECO2031	3	36,18
7	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18

8	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)		39	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc		30	
1	Kế toán tài chính 1	EACC1411	3	36,18
2	Kế toán tài chính 2	EACC1511	3	36,18
3	Kế toán công 1	FACC3011	3	36,18
4	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*	FAUD3121	3	34,12,5
5	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	RAUD3011	3	36,18
6	Kiểm toán báo cáo tài chính 2*	RAUD3021	3	34,12,5
7	Kiểm toán ngân sách nhà nước	FAUD2011	3	36,18
8	Kiểm toán nội bộ	IAUD2611	3	36,18
9	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	FAUD0841	3	0,90
10	Phân tích báo cáo tài chính	ANST1511	3	36,18
2.2.2.	Các học phần tự chọn		9	
	<i>Chọn 9 TC trong các HP sau:</i>			
1	Kế toán thuế trong doanh nghiệp	EACC2911	3	36,18
2	Kế toán công 2	FACC3012	3	36,18
3	Phân tích kinh tế doanh nghiệp	ANST0611	3	36,18
4	Hệ thống thông tin kế toán	FACC2011	3	36,18
5	Kế toán quản trị doanh nghiệp	FACC0331	3	36,18
6	Kế toán ngân hàng thương mại	BAUD0631	3	36,18
2.3.	Kiến thức bổ trợ		12	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc		5	
1	Thông kê kinh tế	ANST1231	2	24,12
2	Quản trị tài chính 1	FMGM0231	3	36,18
2.3.2.	Các học phần tự chọn		7	
	<i>Chọn 7 TC trong các HP sau:</i>			
1	Thực hành kế toán máy	EACC2011	3	0,90
2	Thuế	EFIN3211	3	36,18
3	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	eCOM2111	2	0,60
4	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
5	Luật thương mại điện tử	PLAW1411	2	24,12
6	Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10	

2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	REPD1411	3	0,90
2.4.2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	LVVD1911	7	0,210

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.

- Các học phần có dấu * có tổ chức báo cáo thực tế.



8.2. Mô tả các học phần (Xem phụ lục 1 kèm theo)

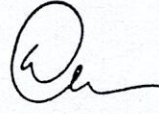
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỶ I	Khối kiến thức GDĐC	10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	13TC
2	KỶ II	Khối kiến thức GDĐC	6TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	8TC
		Giáo dục thể chất	01TC
		Tổng cộng	15TC
3	KỶ HÈ NĂM NHẤT	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	08 TC
4	KỶ III	Khối kiến thức GDĐC	05 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	09TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15TC
5	KỶ IV	Khối kiến thức GDĐC	8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	6TC
		Tổng cộng	17 TC
6	KỶ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	15 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	18TC
7	KỶ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	17TC
8	KỶ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
		Tổng cộng	18TC
9	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
10	TỔNG CỘNG		131TC

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG


 PGS, TS Nguyễn Hoàng

VIỆN TRƯỞNG

 PGS, TS Phạm Đức Hiếu

PHỤ LỤC 1. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Trình bày mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo)

STT	Tên học phần	Mục tiêu học phần	Tóm tắt nội dung chính
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phân biệt những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.	Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ	Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí

		<p>Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. - Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. - Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên. 	<p>Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>
4	<p>Kinh tế chính trị Mác - Lênin</p>		<p>Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.</p> <p>Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư).</p> <p>Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.</p>
5	<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</p>		<p>Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và</p>

			tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
6	Tiếng Anh 1	Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phân biện bằng tiếng Anh.	Học phần “Tiếng Anh 1” gồm 4 bài đầu của giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.
7	Tiếng Anh 2	Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phân biện bằng tiếng Anh.	Học phần “Tiếng Anh 2” sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình “Life (A2-B1)” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phân biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.
8	Tiếng Anh 3	Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai	Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm:

				thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiêu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.
9	Toán cao cấp 1	Cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản nhất về Đại số tuyến tính và Hàm một biến số, rèn luyện cho họ cách suy luận, trình bày các vấn đề theo phương pháp và ngôn ngữ của Toán học. Trang bị thêm cho người học một số phương tiện tính toán, phương pháp giải quyết các vấn đề giúp ích cho việc học các môn học khác và cho công việc sau này.		Học phân cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính (véc tơ n-chiều và không gian tuyến tính, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, dạng toàn phương) và về phần đầu của Toán Giải tích (số thực, hàm số một biến số, giới hạn, đạo hàm và vi phân)
10	Lý thuyết xác suất thống kê toán	Học phân cung cấp những kiến thức cơ bản về biến cố, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các số đặc trưng chính của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết ước lượng, lý thuyết kiểm định, và các bài toán ứng dụng các kiến thức này trong thực tiễn, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế-xã hội. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.		Học phân thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo của nhiều chuyên ngành. Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung: + Phần lý thuyết xác suất cung cấp các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các định lý xác suất; đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế. + Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: cơ sở lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê.
11	Pháp luật đại cương	Học phân Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật		Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức

		<p>phòng chống tham nhũng</p>	<p>thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khai niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng</p>
12	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học</p>	<p>Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.</p>	<p>Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối Kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.</p>

13	Tin học quản lý	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập.	Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị CNTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,...Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính
14	Lịch sử kinh tế Việt nam	Học phần Lịch sử kinh tế Việt Nam giúp người học hiểu được bối cảnh lịch sử, đặc điểm tình hình kinh tế; đường lối, chính sách kinh tế Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau; Học phần cũng giúp người học nhận thức được những thành tựu (kết quả), hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế của các chính sách kinh tế, bài học kinh nghiệm, đặc biệt là giai đoạn sau năm 1975; trên cơ sở đó người học có thể vận dụng vào phân tích, đánh giá và ra quyết định nhằm xử lý các tình huống bất gặp trong hoạt động nghề nghiệp.	Nội dung học phần gồm 7 chương, trong đó chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và vai trò, ý nghĩa của học phần. Từ chương 2 đến chương 7, giới thiệu quá trình hình thành, phát triển của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: Tiền phong kiến và phong kiến (từ nguyên thủy đến năm 1858), thực dân Pháp thống trị (1858-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kinh tế cả nước thời kỳ 1955-1975, kinh tế thời kỳ trước đổi mới (1976-1985) và kinh tế trong 30 năm đổi mới (1986-2016).
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp người học nhận thức đầy đủ các vấn đề cơ bản của kinh tế thị trường; tiếp cận với các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế, thương mại quốc tế. Từ đó có cơ sở để học tốt các môn khoa học kinh tế khác, đặc biệt nghiên cứu các môn kinh tế ngành, chuyên ngành đào tạo.	Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay. + Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường.

			<ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta. + Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông. A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác đề chi ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế. + Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.
16	Giáo dục thể chất	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên lựa chọn cho mình phương pháp rèn luyện thể chất phù hợp nhằm tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực, phòng ngừa các chấn thương trong tập luyện	<p>Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.</p>
17	Giáo dục quốc phòng - an ninh		
18	Kinh tế vi mô I	Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất - kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.	<p>Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.</p>
19	Nguyên lý kế toán	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện	<p>Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận</p>

20	Kiểm toán căn bản	<p>các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán</p> <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kiểm toán làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kiểm toán cụ thể. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kiểm toán để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức</p>	<p>dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.</p>
21	Nguyên lý thống kê	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của thống kê học, sau khi học xong sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản của thống kê học để hỗ trợ giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc chuyên môn kế toán; phân tích kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm, có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác, kỹ năng phổ biến kiến thức, kỹ năng trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; xác định cách thức làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có đạo đức nghề nghiệp</p>	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội; phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.</p>
22	Nhập môn tài chính tiền tệ	<p>Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần.</p>	<p>Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.</p>

23	Tiếng Anh thương mại 1	Học phần Tiếng Anh Thương mại 1 phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và vốn từ vựng cho sinh viên trong lĩnh vực tiếng Anh chuyên ngành thương mại, giúp người học ứng dụng được kiến thức đã học trong giao tiếp kinh doanh thương mại và công việc sau này	Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, đề lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.
24	Tiếng Anh thương mại 2	Học phần cung cấp ngôn ngữ và vốn từ vựng trong lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại và phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ chính: nghe, nói, đọc, viết cho sinh viên	Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn “Business Partner - B1” (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.
25	Quản trị học	Cung cấp cho người học những kiến thức mang tính nguyên lý về quản trị các tổ chức, trong đó tập trung vào các tổ chức là	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau : Khái niệm và bản chất của quản trị; môi trường quản trị; các

	<p>doanh nghiệp. Rèn luyện và phát triển kỹ năng quản trị cho người học. Hình thành năng lực làm việc độc lập và tham gia làm việc nhóm đối với người học.</p>	<p>lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm : chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.</p>
<p>26</p>	<p>Học phân cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc bổ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...</p>	<p>Học phân cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.</p>
<p>27</p>	<p>Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng áp dụng thực hiện công việc liên quan đến pháp luật điều chỉnh về việc thành lập, hoạt động và chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh.</p>	<p>Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các</p>

			chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.
28	Thị trường chứng khoán	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng kí và lưu kí chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu kí, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.
29	Thanh toán điện tử	Nhằm trang bị cho sinh viên Ngành Thương mại điện tử, chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử những kiến thức chuyên sâu và bổ trợ các Ngành đào tạo như Hệ thống thông tin Quản lý, Tài chính ngân hàng, Kế toán Kiểm toán về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng Internet trong so sánh với các hình thức của thanh toán truyền thống.	Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMDT) và chuyên ngành Quản trị TMDT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMDT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMDT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (ví thanh toán), chuyên khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMDT.
30	Nguyên lý quản lý kinh tế	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, mang tính nguyên lý về quản lý kinh tế, tiếp cận ở cả góc độ vĩ mô và vi mô nhằm giúp người học có khả năng nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về quản lý từng lĩnh vực kinh tế	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng

		<p>hoặc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.</p>
31	Kinh tế vĩ mô I	<p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.</p>	<p>Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.</p>
32	Thống kê kinh tế	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về thống kê kinh tế, sau khi học xong sinh viên có thể: <i>Vận dụng</i> kiến thức cơ bản được trang bị trong học phần đánh giá được các tác động của các yếu tố vĩ mô tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; <i>vận dụng</i> các kiến thức trong thống kê kinh tế để phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế như Tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế; <i>giải quyết</i> các vấn đề phức tạp liên quan tới hoạt động kinh tế trong các đơn vị nhờ khả năng phân tích và đánh giá vấn đề một cách khách quan dựa trên cơ sở tính toán nguồn số liệu thu thập được một cách khoa học, hợp lý; có khả năng tự học, tự nghiên cứu; <i>đề xuất các giải pháp</i> thay</p>	<p>Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức của thống kê kinh tế như: Đối tượng nghiên cứu, hệ thống tài khoản quốc gia; thống kê các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực của nền kinh tế quốc dân và việc sử dụng các nguồn lực này; thống kê kết quả sản xuất thông qua chỉ tiêu giá trị sản xuất, tổng sản phẩm trong nước; thống kê ngân sách nhà nước, tiền tệ và tín dụng.</p>

		thể trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi, có kỹ năng phân biện, phê phán và bảo vệ quan điểm	
33	Kế toán tài chính 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận, kiến thức thực tế vững chắc về kế toán tài sản và kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất; phục vụ hoạt động điều hành và hoạt động quản lý về kế toán tại doanh nghiệp.	Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính: Các khái niệm, yêu cầu và nguyên tắc kế toán; kế toán tiền và các khoản phải thu; kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo tiền lương; kế toán tài sản cố định và kế toán các khoản đầu tư tài chính.
34	Kế toán tài chính 2	Đào tạo sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng và kỹ năng thực tế về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC; sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động về kế toán tài chính tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận về kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập, trình bày BCTC và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính trên góc độ: kế toán chi phí- doanh thu- kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán nguồn vốn và lập BCTC.
35	Kế toán công 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và thực tế vững chắc về đặc điểm hoạt động, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phân hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp, giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tại đơn vị. Sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng để thực hiện, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp.	Học phần kế toán công 1 thuộc khối kiến thức Chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm của các đơn vị hành chính sự nghiệp; cơ sở và nguyên tắc kế toán trong các đơn vị này; khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế và sự tác động đến kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế; những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi các hoạt động, kế toán nguồn vốn và các quỹ cơ quan, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp.
36	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; giúp sinh viên có đủ	Học phần Chuẩn mực kiểm toán thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên

		<p>khả năng vận dụng các chuẩn mực này trong quá trình thực hiện kiểm toán BCTC tại các đơn vị, tổ chức.</p>	<p>cứ những vấn đề cơ bản và chuyên sâu của hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, gồm: Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và các chuẩn mực cụ thể thuộc Hệ thống chuẩn mực kiểm toán hiện hành như: các chuẩn mực về lập kế hoạch, thực hiện kiểm toán, và kết thúc công việc kiểm toán.</p>
37	<p>Kiểm toán báo cáo tài chính 1</p>	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết và thực tế chuyên sâu về kiểm toán báo cáo tài chính nói chung, kiểm toán các khoản mục thuộc Bảng cân đối kế toán nói riêng. Từ đó, giúp sinh viên có kỹ năng áp dụng các kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động kiểm toán đối với các khoản mục cụ thể của Bảng cân đối kế toán; có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp và tự định hướng đưa ra các kết luận chuyên môn liên quan đến các hoạt động kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp.</p>	<p>Học phần Kiểm toán BCTC 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản và chuyên sâu của kiểm toán báo cáo tài chính như: nguyên tắc chi phối, phương pháp tiếp cận và qui trình kiểm toán báo cáo tài chính, thủ tục kiểm toán các khoản mục thuộc bảng cân đối kế toán, như: kiểm toán tiền và các khoản phải thu, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán tài sản cố định và đầu tư, kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn.</p>
38	<p>Kiểm toán báo cáo tài chính 2*</p>	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tế chuyên sâu về tổ chức thực hiện, giám sát, quản lý điều hành, giải quyết các vấn đề phức tạp về kiểm toán báo cáo tài chính, nhất là đối với các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và hình thành ý kiến về báo cáo tài chính. Sau khi học xong học phần, sinh viên có kỹ năng đánh giá chất lượng các công việc, định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn liên quan đến kế toán, kiểm toán.</p>	<p>Học phần Kiểm toán BCTC 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tiếp tục tập trung nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu của kiểm toán báo cáo tài chính đối với các khoản mục thuộc báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, như: kiểm toán doanh thu và thu nhập, kiểm toán chi phí, kiểm toán lưu chuyển tiền của các hoạt động; tổng hợp kết quả kiểm toán, hình thành ý kiến và lập báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, học phần cũng đề cập tới các nội dung về hồ sơ kiểm toán và kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán.</p>
39	<p>Kiểm toán ngân sách Nhà nước</p>	<p>Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.</p>	<p>Học phần Kiểm toán ngân sách nhà nước thuộc học phần kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kiểm toán ngân sách nhà nước như: tổng quan về ngân sách nhà nước, qui trình kiểm toán ngân sách nhà nước và báo cáo kiểm toán.</p>

40	Kiểm toán nội bộ	<p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng; hiện đại về kiểm toán nội bộ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự thay đổi của công nghệ; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán nội bộ. Sau khi học xong phần sinh viên sẽ có kiến thức, khả năng đề lập kế hoạch, thực hiện, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác.</p>			<p>Học phần Kiểm toán nội bộ thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kiểm toán nội bộ, như: bản chất kiểm toán nội bộ, vai trò chức năng, nội dung và phương pháp kiểm toán, qui trình kiểm toán, chuẩn mực thực hành kiểm toán nội bộ, các vấn đề hiện đại gắn với KTNB như quản trị công ty, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ từ đó tạo cơ sở cho tổ chức công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và một số đơn vị đặc thù: đơn vị hành chính sự nghiệp, ngân hàng thương mại... Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành nghề nghiệp như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đề xuất giải pháp, giám sát, đánh giá hoạt động kiểm toán...</p>
41	Thực hành Kiểm toán báo cáo tài chính	<p>Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành nghề nghiệp về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, quản lý, điều hành các hoạt động kiểm toán. Từ đó, sinh viên có được những kỹ năng đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến các hoạt động kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp; có kỹ năng làm việc độc lập trong điều kiện thay đổi; có kỹ năng phân tích, đánh giá, đưa ra nhận định chuyên môn để hướng dẫn, giám sát, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p>			<p>Thực hành kiểm toán BCTC là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành cho ngành kiểm toán, cung cấp các kỹ năng về thực hành kiểm toán BCTC như: thực hành lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán một số khoản mục chủ yếu trên BCTC và lập báo cáo kiểm toán về BCTC trên cơ sở hồ sơ kiểm toán mẫu với bộ số liệu của một đơn vị được kiểm toán cụ thể.</p>
42	Phân tích báo cáo tài chính	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận, phương pháp, tổ chức công tác phân tích và vận dụng những kiến thức đó để thực hiện phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, nhằm cung cấp những thông tin cần thiết giúp các đối tượng sử dụng đánh giá khách quan về năng lực tài chính của doanh nghiệp và dự báo các chỉ tiêu cơ bản trên báo cáo tài chính. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng về tổng hợp, phân tích, kỹ năng thực hành trong việc phân tích báo cáo tài chính ở một doanh nghiệp cụ thể, kỹ năng</p>			<p>Phân tích báo cáo tài chính là học phần chuyên ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp. Sau phần tổng quan về báo cáo tài chính và phân tích hình tài chính, học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về: phân tích khái quát tình hình tài chính, phân tích công nợ và khả năng thanh toán, phân tích kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phân tích khả năng sinh lời, phân</p>

	<p>làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.</p>	<p>tích rủi ro tài chính và dự báo các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính</p>
<p>43</p>	<p>Kế toán thuế trong doanh nghiệp</p>	<p>Học phân cung cấp kiến thức lý luận về thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp như: khái niệm, bản chất, nội dung của thuế, kế toán thuế cũng như kế toán các sắc thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, các loại thuế phí và lệ phí khác trong doanh nghiệp từ khâu tổ chức chứng từ, tổ chức vận dụng tài khoản, tổ chức hệ thống sổ kế toán và tổ chức quyết toán thuế.</p>
<p>44</p>	<p>Phân tích kinh tế doanh nghiệp</p>	<p>Học phân cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về phân tích kinh tế doanh nghiệp để vận dụng vào thực hiện các nội dung: Phân tích tình hình mua, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu, hàng hóa; phân tích chi phí sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình sản xuất và tiêu thụ; phân tích kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp; phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp.</p>
<p>45</p>	<p>Kế toán công 2</p>	<p>Học phần kế toán công 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán ngân sách trong khu vực công; Những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần</p>

		nước. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện kế toán trong Kho bạc Nhà nước, cơ quan xã, phường.	hành cụ thể trong kế toán ngân sách liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi ngân sách, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán ngân sách tại Kho bạc nhà nước. Ngoài ra học phần còn cung cấp kiến thức về kế toán ngân sách xã, phường.
46	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng sử dụng trong và ngoài doanh nghiệp nhằm phục vụ việc ra quyết định quản lý và điều hành doanh nghiệp. Từ đó, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để vận hành hệ thống thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị theo các chu trình hoạt động trong doanh nghiệp.	Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán: bản chất, phân loại hệ thống thông tin kế toán; Mục đích, vai trò của hệ thống thông tin kế toán; Quy trình xử lý và cung cấp hệ thống thông tin kế toán phục vụ cho quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin về hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí, doanh thu.
47	Kế toán quản trị doanh nghiệp	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện và kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kế toán quản trị; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; có khả năng tự học và phát huy khả năng của bản thân trong công việc. Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng thực hiện và tổ chức thực hiện kế toán quản trị tại các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài và các tổ chức khác.	Là học phần thuộc khối kiến thức ngành cung cấp những kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp; Phân loại chi phí; Dự toán sản xuất kinh doanh; Các phương pháp xác định chi phí truyền thống và hiện đại trong kế toán quản trị doanh nghiệp; Kế toán theo các trung tâm trách nhiệm; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.
48	Kế toán ngân hàng thương mại	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong các ngân hàng thương mại. Sinh viên học xong có thể thực hiện các công việc kế toán và tham gia giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán tại các ngân hàng thương mại.	Học phần Kế toán ngân hàng thương mại thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: Các đặc điểm hoạt động của ngân hàng thương mại ảnh hưởng đến công tác kế toán; nội dung tổ chức công tác kế toán; nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản như: huy động vốn, tín dụng, kinh doanh ngoại tệ; thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán vốn giữa các ngân hàng thương mại, kế toán

			<p>các khoản thu, chi và xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.</p> <p>Nội dung của học phần Quản trị tài chính I bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn</p> <p>Học phần cung cấp những kỹ năng thực hành kế toán trên phần mềm bao gồm: xây dựng hệ thống danh mục từ điển và cập nhật số dư đầu kỳ; đọc và phân loại chứng từ, cập nhật số phát sinh trong kỳ theo phân hệ nghiệp vụ; kết chuyển số dư cuối kỳ, xác định số thuế phải nộp và lập báo cáo thuế và lập báo cáo tài chính.</p> <p>Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác.</p> <p>Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh, cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm</p>
49	Quản trị tài chính I	<p>Học phần Quản trị tài chính I nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản.</p> <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế và kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo nhằm đào tạo các chuyên gia kế toán, kiểm toán đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập kinh tế.</p>	
50	Thực hành kế toán máy		
51	Thuế	<p>Sau khi học xong học phần, người học hiểu và nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của thuế và hệ thống thuế Việt Nam; vận dụng được các kiến thức để tính toán được tiền thuế phải nộp, xử lý được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống thuế; nâng cao ý thức tuân thủ thuế, hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ của học phần.</p>	
52	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	<p>Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần phát triển kỹ năng cho sinh viên của Ngành Thương mại điện tử, đồng thời bổ trợ kỹ năng cho sinh viên các ngành, chuyên ngành như Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing, Tài chính ngân hàng, Kinh tế thương mại trong sử dụng các công cụ tìm kiếm thông dụng và phổ biến nhất hiện nay trên thế giới để khai thác thông tin, dữ liệu theo nhu cầu trên mạng Internet.</p>	

		<p>Kiểm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.</p>
53	<p>Khởi sự kinh doanh</p>	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.</p>
54	<p>Luật thương mại điện tử</p>	<p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để đáp ứng thực hiện các công việc liên quan đến pháp luật về thương mại điện tử.</p>
55	<p>Chuyển đổi số trong kinh doanh</p>	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh hiện đại gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.</p>

<p>điểm của chuyên đổi số; hệ sinh thái của chuyên đổi số; các giai đoạn chuyên đổi số; quy trình chuyên đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyên đổi số và một số vấn đề khác của chuyên đổi số trong kinh doanh.</p>	<p>- Sinh viên đến đơn vị thực tập, trực tiếp thực hiện các công việc theo kế hoạch và yêu cầu về nội dung thực tập. Giai đoạn một là thực tập tổng hợp và viết Báo cáo thực tập tổng hợp (có hướng dẫn kèm theo).</p> <p>- Trong thời gian đi thực tập, sinh viên phải thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế làm việc của Nhà trường và đơn vị thực tập, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc và ứng xử, nắm được các quy định về quản lý của Nhà nước có liên quan đến chuyên ngành đào tạo và việc vận dụng các quy định này trong thực tế của đơn vị thực tập.</p> <p>- Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế vào điều kiện cụ thể của một đơn vị công, trực tiếp tham gia vào một (hoặc một số) phần việc thuộc công tác kế toán, kiểm toán nội bộ (nếu có) và phân tích kinh tế theo sự phân công của đơn vị thực tập để rèn luyện kỹ năng thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế hoạt động của đơn vị, nghiên cứu đề xuất nội dung viết khoá luận tốt nghiệp, khảo sát thực tế để phục vụ viết Báo cáo thực tập tổng hợp và Khoá luận tốt nghiệp theo hướng đề xuất và được thông qua.</p> <p>- Sinh viên phải nắm được nội dung và cách thức tiến hành điều tra, khảo sát để thu thập thông tin phục vụ</p>
<p>Thực tập tốt nghiệp và viết BCTTTH nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng thông qua việc tìm hiểu hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực công và thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này. Từ đó, sinh viên sẽ củng cố được kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.</p>	<p>Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp</p>
<p>56</p>	

		<p>cho việc viết báo cáo thực tập tổng hợp, lựa chọn đề tài và viết khoá luận tốt nghiệp.</p> <p>- Kết thúc giai đoạn thực tập, sinh viên phải hoàn thành và nộp Báo cáo thực tập tổng hợp đúng thời hạn quy định.</p>
<p>57</p> <p>Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp</p>	<p>Thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện, kết hợp lý luận với thực tiễn, tạo điều kiện để sinh viên tiếp tục bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng thông qua việc tìm hiểu hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực công và thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này. Từ đó, sinh viên sẽ củng cố được kiến thức, nâng cao kỹ năng, phát triển khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành đào tạo.</p>	<p>- Sinh viên đến đơn vị thực tập, trực tiếp thực hiện các công việc theo kế hoạch và yêu cầu về nội dung thực tập. Giai đoạn hai là thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp (có hướng dẫn kèm theo).</p> <p>- Trong thời gian đi thực tập, sinh viên phải thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy chế làm việc của Nhà trường và đơn vị thực tập, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc và ứng xử, nắm được các quy định về quản lý của Nhà nước có liên quan đến chuyên ngành đào tạo và việc vận dụng các quy định này trong thực tế của đơn vị thực tập.</p> <p>- Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị về công tác kế toán, kiểm toán, phân tích kinh tế vào điều kiện cụ thể của một đơn vị công, trực tiếp tham gia vào một (hoặc một bộ) phần việc thuộc công tác kế toán, kiểm toán nội bộ (nếu có) và phân tích kinh tế theo sự phân công của đơn vị thực tập để rèn luyện kỹ năng thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế hoạt động của đơn vị, nghiên cứu đề xuất nội dung viết khóa luận tốt nghiệp, khảo sát thực tế để phục vụ viết Khóa luận tốt nghiệp theo hướng đề xuất đã được thông qua.</p> <p>- Sinh viên phải nắm được nội dung và cách thức tiến hành điều tra, khảo sát để thu thập thông tin phục vụ cho việc viết Khóa luận tốt nghiệp.</p>

- Kết thúc giai đoạn thực tập, sinh viên phải hoàn thành và nộp Khoa luận tốt nghiệp đúng thời hạn quy định theo hướng dẫn của Khoa chuyên ngành.

--

--

--